

Số: 13/QĐ-MN4

Tân Bình, ngày 19 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2020 của Trường Mầm Non 4

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính- Kế hoạch Quận Tân Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 của trường Mầm Non 4 (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán trưởng và các bộ phận có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, KT



Ngô Thị Hà

Tân Bình, ngày 19 tháng 04 năm 2021

THUYẾT MINH CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 13/QĐ-MN4 ngày 19/4/2021)

Quyết toán các khoản ngân sách nhà nước:

I. Kinh phí hoạt động thường xuyên (nguồn 13):

- Tồn năm trước chuyển sang	:	205.432.492 đồng
- Dự toán chi được giao	:	1.701.696.508 đồng
- Kinh phí thực hiện chi thường xuyên	:	1.657.695.700 đồng
+ Kinh phí tiết kiệm được	:	249.433.300 đồng
+ Sử dụng kinh phí tiết kiệm	:	241.414.300 đồng
• Chi tăng thu nhập	:	94.605.000 đồng
• Trích lập quỹ	:	100.000.000 đồng
• Hỗ trợ nghị quyết 03 cho hợp đồng 68	:	46.809.300 đồng
+ Kinh phí còn tồn chuyển năm sau	:	8.019.000 đồng

II. Kinh phí hoạt động thường xuyên (nguồn 14):

- Nguồn CCTL năm 2019 chuyển sang	:	546.108.422 đồng
+ Nguồn ngân sách	:	254.505.907 đồng
+ Nguồn dịch vụ	:	291.602.515 đồng
- Nguồn CCTL trích lập năm 2020	:	633.821.000 đồng
+ Nguồn ngân sách	:	563.005.000 đồng
+ Nguồn dịch vụ	:	70.816.000 đồng
- Kinh phí chi trong năm 2020	:	627.956.211 đồng
+ Nguồn ngân sách	:	292.698.907 đồng
+ Nguồn dịch vụ	:	0 đồng
+ Trả TNTT theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND	:	335.257.304 đồng
• Nguồn ngân sách (quý 1, 2, 3/2020)	:	335.257.304 đồng
• Nguồn dịch vụ	:	0 đồng
- Nguồn CCTL còn thừa chuyển sang năm 2021	:	551.973.211 đồng
+ Nguồn ngân sách	:	189.554.696 đồng
+ Nguồn dịch vụ	:	362.418.515 đồng

III. Kinh phí hoạt động không thường xuyên (nguồn 12):

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Thực hiện	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>
	C622-L070-K071		
1	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	118.987.799	
2	Hỗ trợ mầm non theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND.	288.541.951	
3	Thu hút giáo viên mầm non theo Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐND	175.450.000	
4	Trợ cấp Tết 2020	46.200.000	
5	Kinh phí đào tạo	9.828.000	
6	Mua sắm tài sản	30.500.000	
	Cộng	669.507.750	

Kế toán



NGUYỄN THỊ THẠCH

Hiệu trưởng



NGÔ THỊ HÀ

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính
 Đơn vị: **TRƯỜNG MẦM NON 4**
 Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020
 (Kèm theo Quyết định số 13/QĐ-MN4 ngày 19/04/2021 của trường Mầm non 4)
 (Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
 dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.527.066	2.527.066	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	669.508	669.508	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				



